

ỦY BAN CHỨNG
KHOÁN NHÀ NƯỚC
Số: 05/1998/QĐ-UBCK3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của quỹ
đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 28 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ về việc thành lập Ủy ban chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ quản lý kinh doanh chứng khoán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ quản lý kinh doanh chứng khoán, thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các bên tham gia trong hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/1998/QĐ-UBCK3

ngày 13 tháng 10 năm 1998 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ.

Điều 2.

1. Các bên tham gia trong hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán là công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và người đầu tư.
2. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm thành lập, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và thực hiện đầu tư.
3. Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm giám sát công ty quản lý quỹ và bảo quản, lưu ký tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán nhằm bảo vệ lợi ích của người đầu tư.
4. Người đầu tư góp vốn tạo thành quỹ đầu tư chứng khoán và được hưởng lợi từ việc đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 3.

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quỹ đầu tư chứng khoán (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ hình thành từ vốn góp của người đầu tư, được ủy thác cho công ty quản lý quỹ quản lý và đầu tư vào chứng khoán tối thiểu 60% giá trị tài sản của quỹ.
2. Quỹ đầu tư chứng khoán đóng (sau đây gọi tắt là Quỹ đóng) là quỹ đầu tư chứng khoán trong đó người đầu tư không được quyền bán lại Chứng chỉ quỹ đầu tư cho Quỹ trước thời hạn kết thúc hoạt động hay giải thể.
3. Quỹ đầu tư chứng khoán mở (sau đây gọi tắt là Quỹ mở): là quỹ đầu tư chứng khoán trong đó người đầu tư được quyền bán lại Chứng chỉ quỹ đầu tư cho Quỹ.
4. Công ty quản lý quỹ là pháp nhân được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động quản lý quỹ.
5. Ngân hàng giám sát là ngân hàng thành lập và hoạt động tại Việt Nam, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan tới tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ.
6. Chứng chỉ quỹ đầu tư (sau đây gọi tắt là Chứng chỉ) là một loại chứng khoán do công ty quản lý quỹ đại diện cho một quỹ đầu tư chứng khoán phát hành, xác nhận quyền hưởng lợi của người đầu tư đối với Quỹ.
7. Người điều hành Quỹ là người có Giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán, được công ty quản lý quỹ chỉ định làm người điều hành hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.
8. Giá trị tài sản ròng của Quỹ là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại thời điểm tính toán.
9. Tài sản lưu hoạt là phần tài sản có của Quỹ bao gồm tiền mặt và các tài sản khác có khả năng chuyển đổi thành tiền mặt trong thời hạn 15 ngày.

CHƯƠNG II: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 4.

1. Công ty tiến hành hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có Giấy phép hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và chỉ được phép kinh doanh theo giấy phép.
2. Các tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài muốn hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải thành lập công ty liên doanh với đối tác Việt Nam theo giấy phép do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Điều 5.

1. Công ty xin phép hoạt động quản lý quỹ phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - (a) Là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có mức vốn pháp định là 5 tỷ đồng;
 - (b) Có đội ngũ nhân viên nghiệp vụ được đào tạo về nghiệp vụ chứng khoán;
 - (c) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo phục vụ hoạt động quản lý quỹ;
 - (d) Những người điều hành công ty quản lý quỹ và những người điều hành Quỹ phải có Giấy phép hành nghề theo quy định tại Chương VI Quy chế này.
2. Đối với công ty liên doanh quản lý quỹ, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, bên nước ngoài tham gia liên doanh phải là các tổ chức kinh doanh chứng khoán đang hoạt động hợp pháp tại nước nơi đặt trụ sở chính của các tổ chức này.

Điều 6.

1. Công ty xin cấp Giấy phép hoạt động quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hồ sơ xin phép gồm:
 - (a) Đơn xin cấp Giấy phép hoạt động quản lý quỹ (Phụ lục 2);
 - (b) Giấy phép thành lập công ty (nếu có);
 - (c) Điều lệ công ty;
 - (d) Sơ yếu lý lịch của các sáng lập viên, các thành viên Hội đồng quản trị và những người điều hành công ty (Phụ lục 3);
 - (e) Các bằng chứng hợp lệ chứng thực công ty có đủ các điều kiện nêu tại Điều 5 Quy chế này;
 - (f) Phương án hoạt động trong 01 năm đầu.
2. Đối với công ty liên doanh quản lý quỹ, ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải có các văn bản được xác nhận hợp pháp sau:
 - (a) Điều lệ công ty của bên nước ngoài tham gia liên doanh;
 - (b) Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của bên nước ngoài tham gia liên doanh;

(c)Hợp đồng liên doanh, Điều lệ công ty liên doanh;

(d)Bảng cân đối kế toán, báo cáo thu nhập và báo cáo hàng năm tình hình hoạt độngkinh doanh của bên tham gia liên doanh trong 03 năm gần nhất;

(e)Danh sách những người nước ngoài làm việc tại công ty liên doanh quản lý quỹ(Phụ lục 04);

(f)Trong hồ sơ của công ty liên doanh, các giấy tờ phải là bản sao có xác nhận hợppháp của cơ quan công chứng nơi bên nước ngoài đóng trụ sở chính và được cơquan công chứng nhà nước Việt Nam xác nhận bản dịch ra tiếng Việt.

Điều7.

1.Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin cấp Giấy phép hoạt động, Ủyban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc từ chối cấp giấy phép. Trường hợp từ chối cấpgiấy phép, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản giải thích rõ lý do.

2.Trường hợp có sửa đổi, bổ sung hồ sơ thì ngày nhận hồ sơ được tính từ ngày Ủyban Chứng khoán Nhà nước nhận được bản sửa đổi, bổ sung hợp lệ.

3.Sau khi được cấp Giấy phép hoạt động, công ty quản lý quỹ phải đăng ký kinhdoanh theo quy định của pháp luật.

Điều 8.

Trướckhi được cấp Giấy phép hoạt động, công ty quản lý quỹ phải nộp cho Ủy ban Chứngkhoán Nhà nước lệ phí cấp giấy phép bằng 0,2% mức vốn pháp định.

Điều 9.

1.Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép hoạt động, công ty quảnlý quỹ phải công bố Giấy phép hoạt động trên ít nhất một tờ báo Trung ương vàmột tờ báo địa phương ra hàng ngày nơi công ty đặt trụ sở chính trong 05 sốliên tiếp với các nội dung cơ bản sau đây:

(a)Tên đầy đủ (tiếng Việt/tiếng Anh) và tên giao dịch của công ty;

(b)Vốn điều lệ;

(c)Các nghiệp vụ được phép thực hiện;

(d)Số, ngày cấp Giấy phép thành lập, Giấy phép hoạt động và thời hạn giấy phép(nếu có);

(e)Họ và tên chủ tịch Hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc);

(f)Ngày khai trương hoạt động;

(g)Trụ sở chính, các chi nhánh và văn phòng đại diện (nếu có).

2.Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty quản lý quỹ phải niêm yết Giấyphép hoạt động tại trụ sở chính và các chi nhánh của công ty.

3. Công ty quản lý quỹ phải ghi rõ tên công ty, số giấy phép trên tiêu đề thư tín, quảng cáo và các tài liệu giao dịch.

4. Trường hợp có sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép hoạt động, công ty quản lý quỹ phải thực hiện đầy đủ việc công bố Giấy phép như khi được cấp Giấy phép hoạt động lần đầu.

5. Trường hợp mở, đóng cửa chi nhánh, công ty quản lý quỹ phải công bố số, ngày quyết định cho phép mở, đóng cửa chi nhánh, hoạt động chính của chi nhánh, trụ sở và ngày mở, đóng cửa chi nhánh trên một tờ báo Trung ương và một tờ báo địa phương ra hàng ngày nơi công ty đặt trụ sở chi nhánh trong 05 số liên tiếp.

Điều 10.

Công ty quản lý quỹ phải báo cáo bằng văn bản và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trước khi làm các thủ tục:

1. Bổ sung chức năng hoạt động;

2. Sửa đổi, bổ sung điều lệ;

3. Thành lập chi nhánh hay văn phòng đại diện mới; thay đổi trụ sở chính, địa điểm chi nhánh hay văn phòng đại diện.

Điều 11.

1. Những hoạt động của công ty quản lý quỹ gồm:

(a) Thành lập, giải thể Quỹ;

(b) Lựa chọn và thực hiện đầu tư vốn của Quỹ;

(c) Xác định giá trị tài sản của Quỹ và giá trị của mỗi Chứng chỉ theo quy định tại Điều 44 của Quy chế này;

(d) Xác định lợi nhuận của Quỹ và chỉ dẫn ngân hàng giám sát thực hiện phân phối lợi nhuận cho người đầu tư;

(e) Công bố các thông tin chi tiết về giao dịch, công việc chính trong năm hoạt động và những yếu tố để xác định giá phát hành và giá mua lại Chứng chỉ trên các phương tiện thông tin quy định trong Điều lệ quỹ;

(f) Tiến hành các hoạt động khác vì quyền lợi của người đầu tư.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện các công việc cần thiết nhằm bảo vệ lợi ích chung và quyền lợi của người đầu tư.

3. Công ty quản lý quỹ được phép hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán khi có Giấy phép hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Việc cấp, đình chỉ và thu hồi Giấy phép hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được áp dụng theo các quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của